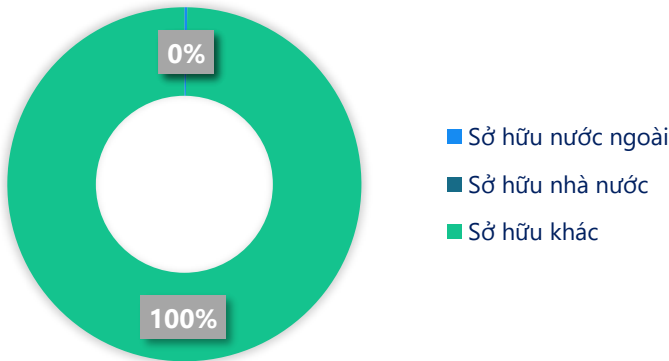


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,900
SL cổ phiếu LH		12,099,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)		161,615
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		212
P/E		256.6
EPS		68

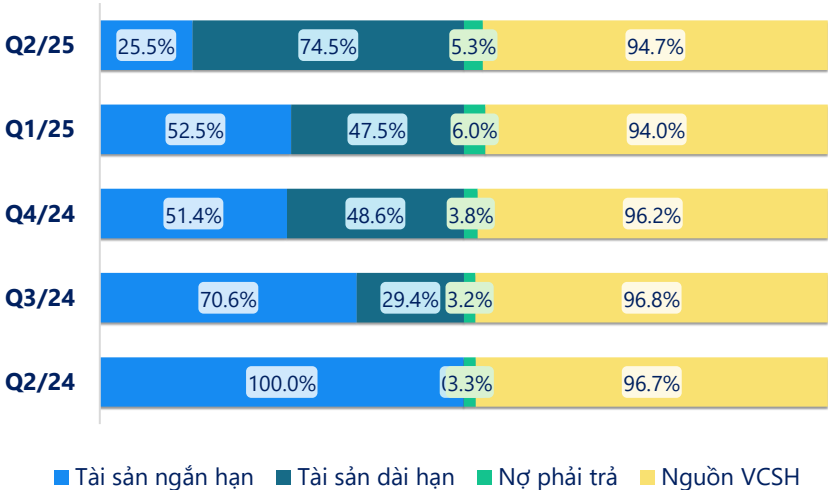
	YTD	1T	3T	6T
CTP	-40.1%	0.6%	-48.1%	-40.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu sở hữu



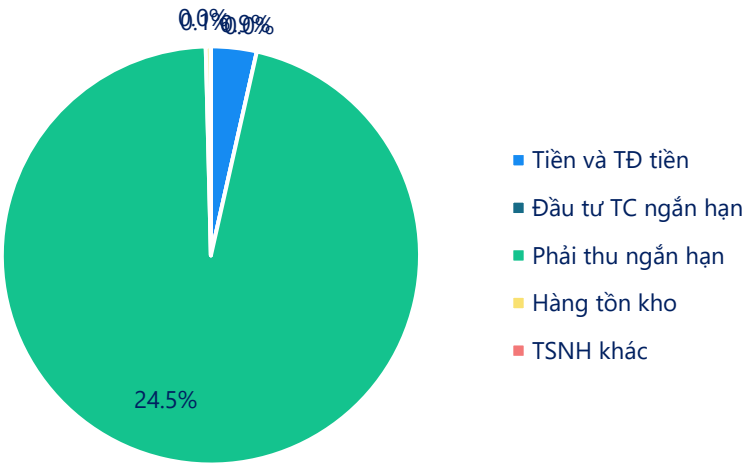
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

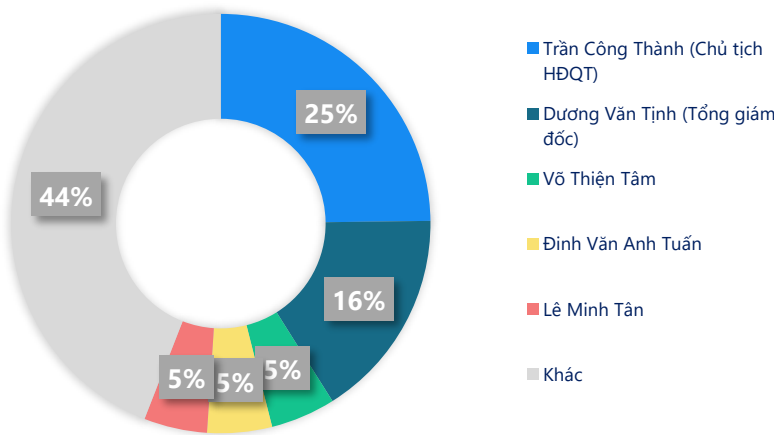
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q2/25

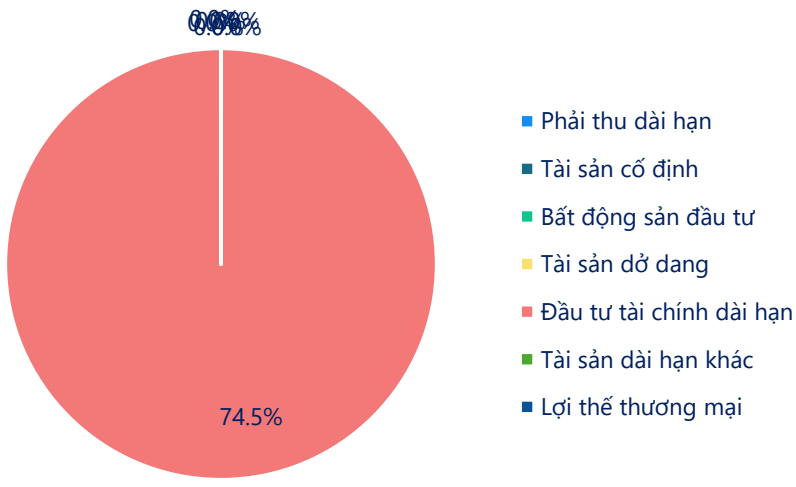
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



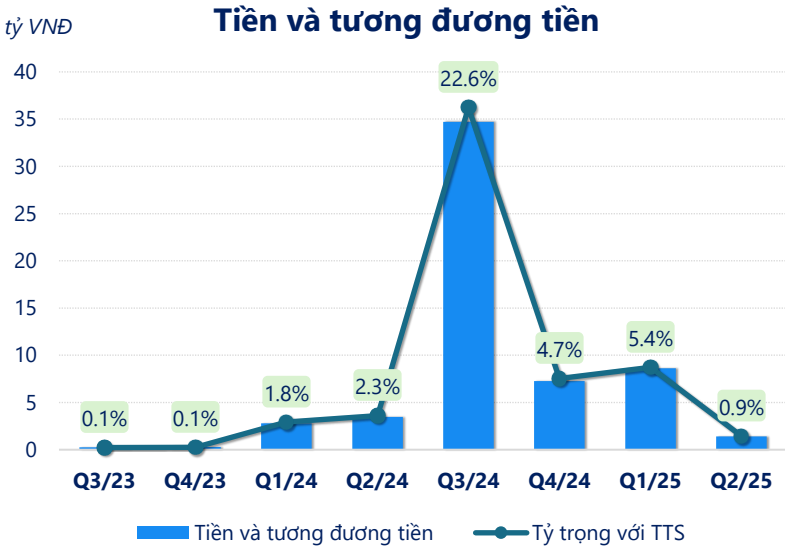
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

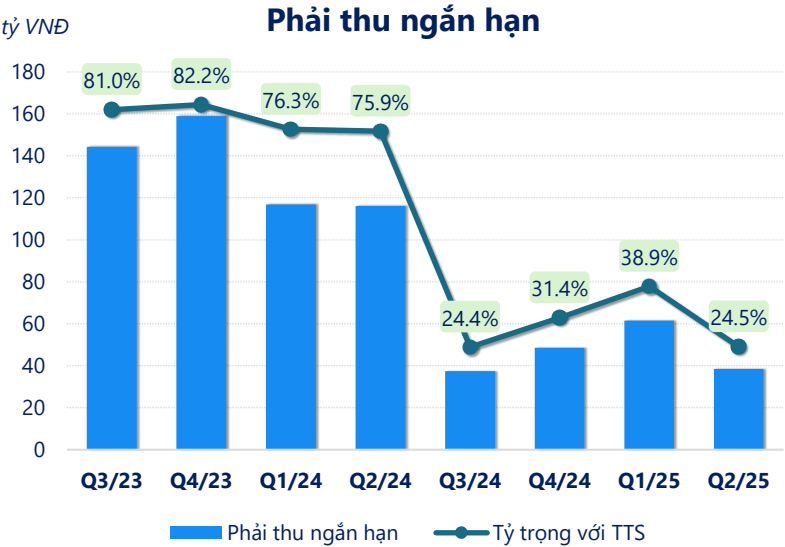


Q2/25

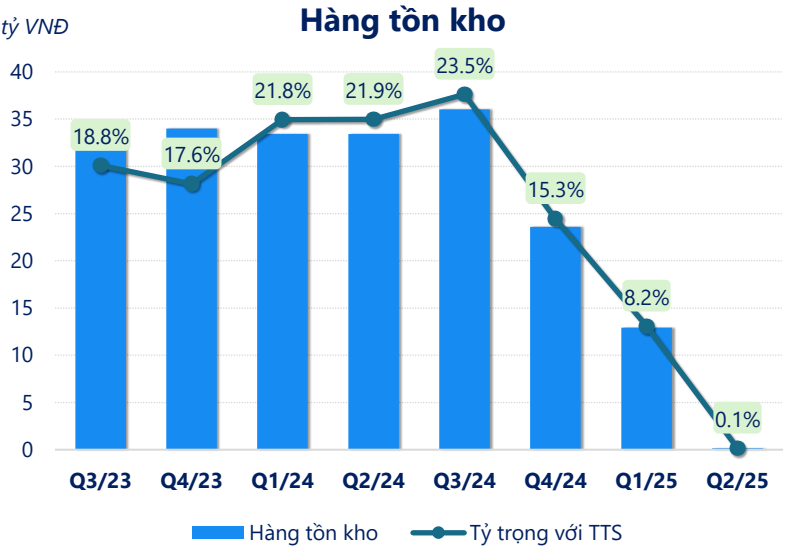
(Nguồn: fireant.vn)



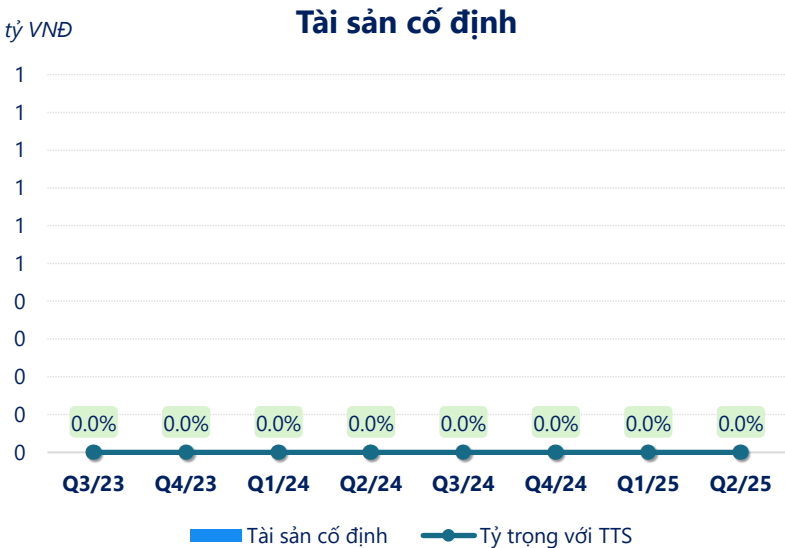
(Nguồn: fireant.vn)



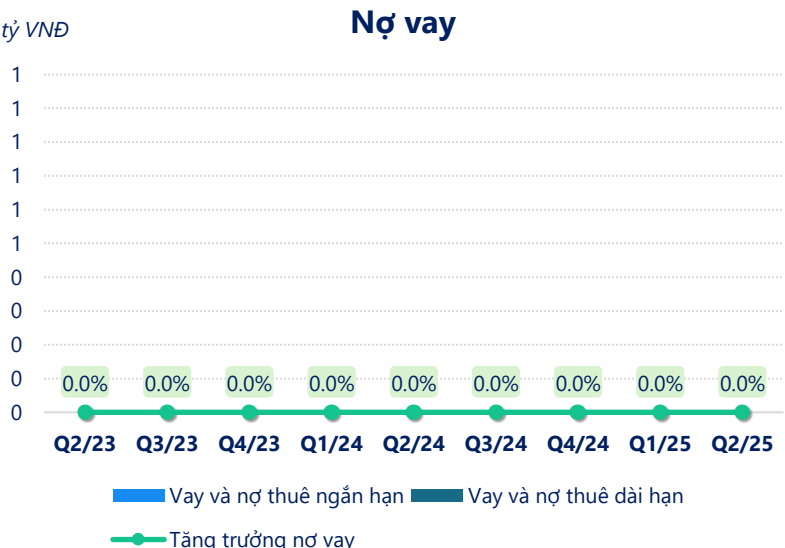
(Nguồn: fireant.vn)



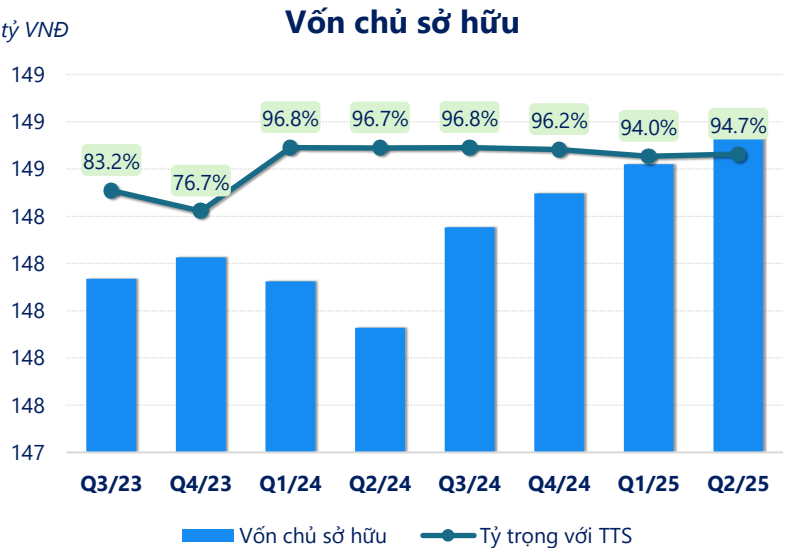
(Nguồn: fireant.vn)



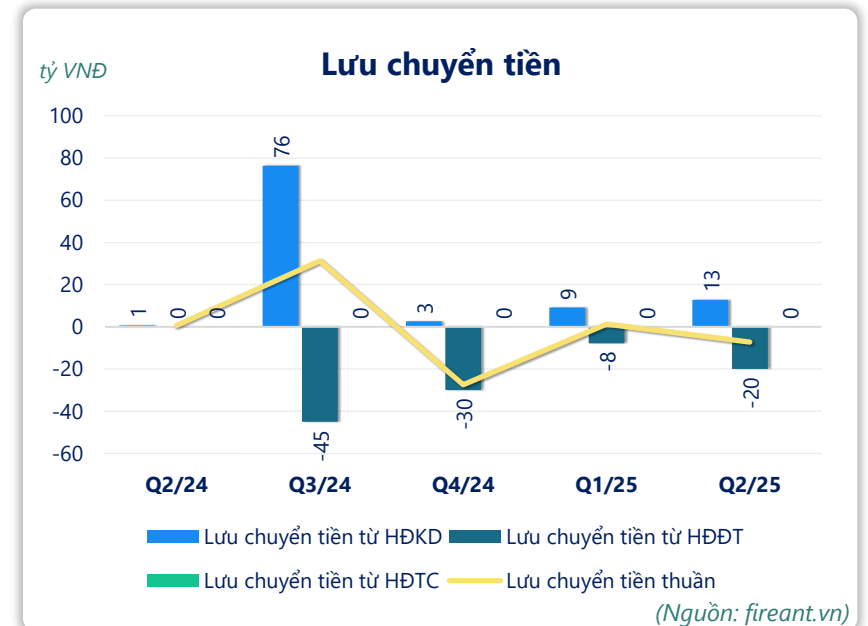
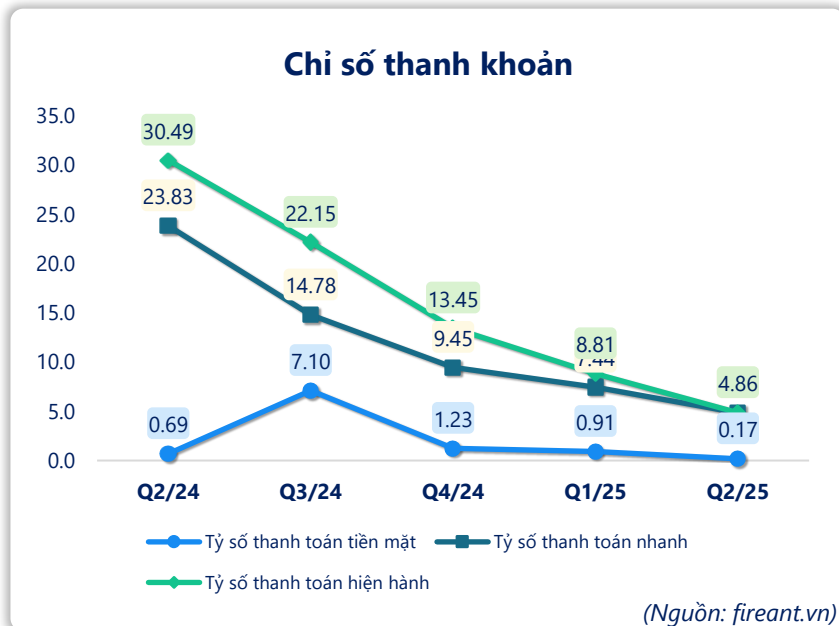
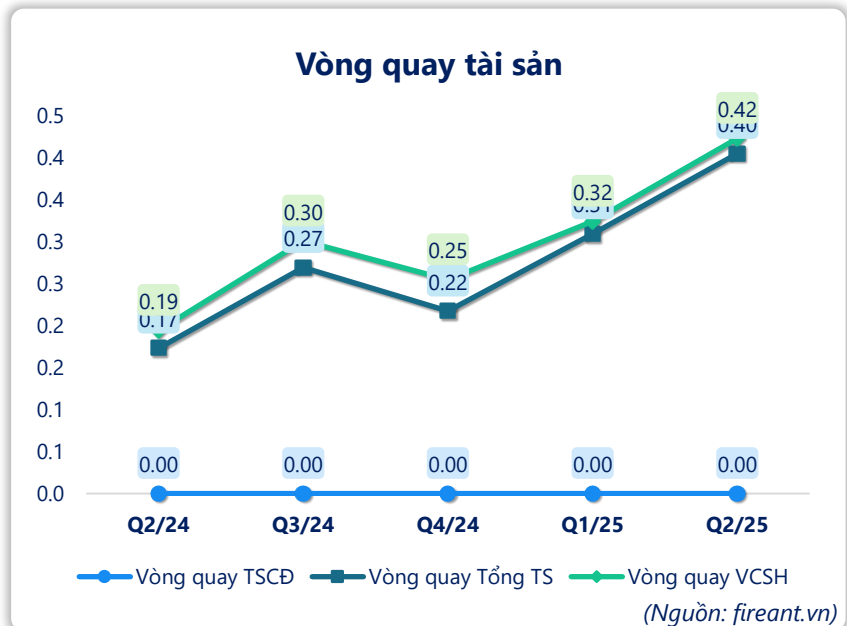
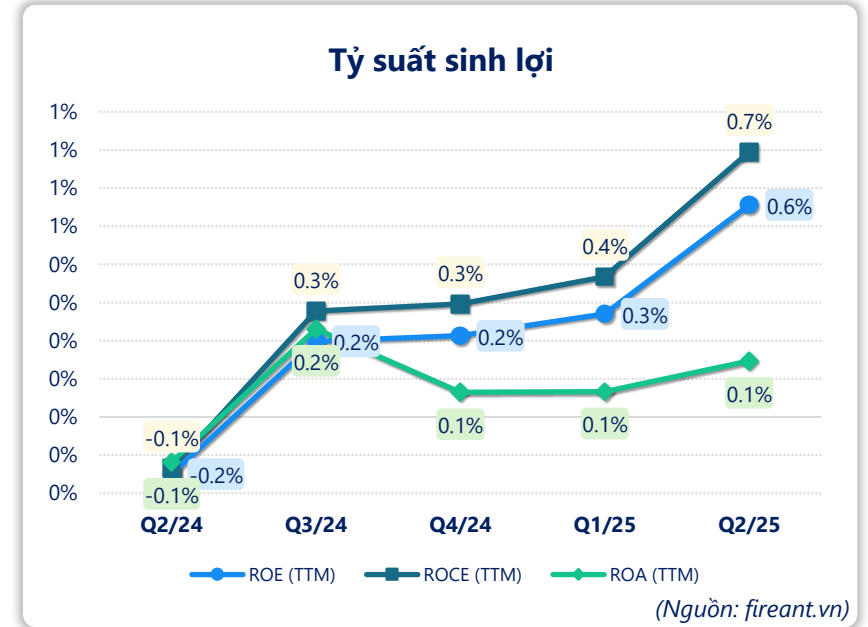
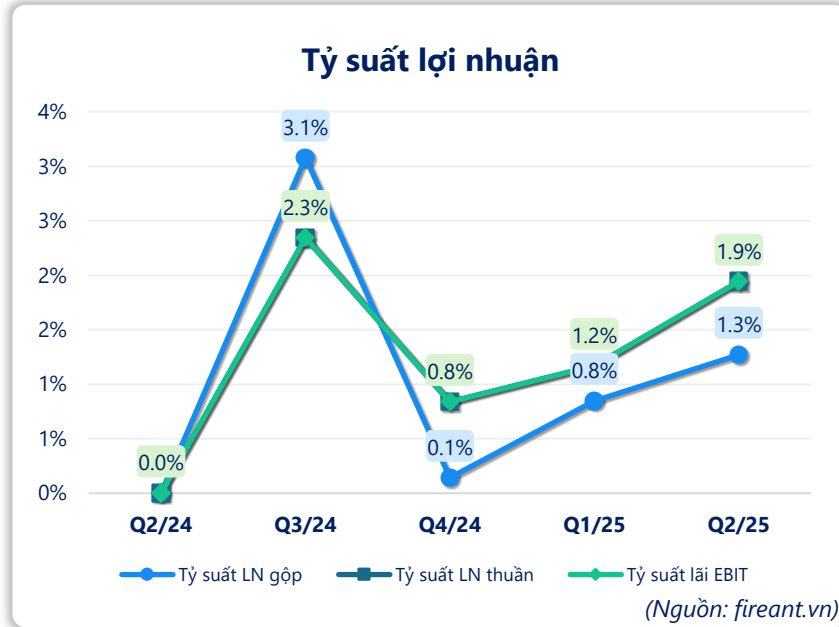
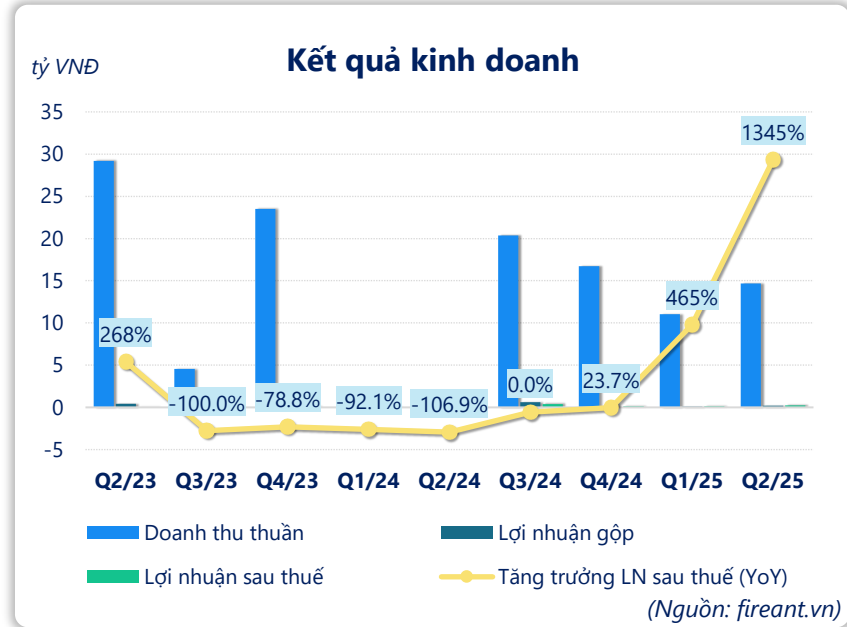
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	157	155	1.1%
Tài sản ngắn hạn	40.1	80.4	-50.1%
Tiền và tương đương tiền	1.42	7.28	-80.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	38.5	59.8	-35.5%
Hàng tồn kho	0.15	13.3	-98.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn	117	75.0	56.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	117	75.0	56.0%
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-66.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.26	6.84	20.7%
Nợ ngắn hạn	8.26	6.84	20.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.48	0.18	717%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	149	0.2%
Vốn chủ sở hữu	149	149	0.2%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0	20.4	16.7	11.0	14.7
Giá vốn hàng bán	0	19.7	16.7	11.0	14.5
Lợi nhuận gộp	0	0.63	0.02	0.09	0.19
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.17	0.25	0.25
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.20	0.15	0.05	0.21	0.15
LN thuần từ HĐKD	-0.20	0.48	0.14	0.13	0.28
Lợi nhuận khác	0.00	0	0	0	0
LN trước thuế	-0.20	0.48	0.14	0.13	0.28
Lợi nhuận sau thuế	-0.20	0.38	0.11	0.10	0.23
LNST của CĐ cty mẹ	-0.20	0.38	0.11	0.10	0.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.67	76.2	2.57	9.11	12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-45.0	-30.0	-7.78	-20.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.79	3.46	34.7	7.28	8.61
Lưu chuyển tiền thuần	0.67	31.2	-27.4	1.33	-7.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.46	34.7	7.28	8.61	1.42

(Nguồn: fireant.vn)